TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 17/01/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Ông Nguyễn Trung Hưng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai*: Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 và ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2023/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp con chung, tranh chấp tài sản chung khi ly hôn"*

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 68/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 54/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 20/11/2023; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 341/TB-TA ngày 19/12/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 27, đường Đ, tổ 7, ấp 2, xã B. huyện V, tỉnh N

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn N thuộc Công ty Luật TNHH MTV Trương Tiến Dũng; Địa chỉ: Số 307, đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* **Ông Huỳnh T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 404/1, hẻm số 2,, ấp Y, xã B, huyện V, tỉnh N

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Cao P, sinh năm 2001; Địa chỉ: Đường Nguyễn Du, tổ 2, khu phố 4, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông ‘, sinh năm 1986 thuộc Công ty Luật TNHH MTV Dũng Tuấn Khang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1.Ông Nguyễn I, sinh năm 1952.

2. Bà Cao V, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Đường Bến Đôi, tổ 11, ấp 2, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ịch: Bà Cao V, sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023)

(Bà T, Luật sư N, ông T, bà P, Luật sư T’, bà V có mặt;Ông I vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày:

Bà và ông Huỳnh T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 38 ngày 06/7/2018.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau và cuộc sống của hai vợ chồng không còn liên quan đến nhau như cơm ai người đó ăn, tiền của ai người đó xài không chia sẻ được gì từ tinh thần đến vật chất mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ông T đã dọn toàn bộ đồ đạc của ông T về nhà cha mẹ của ông T, cũng như tài sản chung của vợ chồng như ti vi, tủ lạnh, xe SH. Ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Đ, sinh ngày 04/8/2019, hiện tại cháu Trang đang ở với bà, nên khi ly hôn bà xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tại tòa ông T có đơn yêu cầu chia tài sản chung thì bà không đồng ý,vì vợ chồng bà không còn tài sản chung gì cả, khi mâu thuẫn, ông T đã mang hết cả tài sản chung của vợ chồng đi, như ti vi, tủ lạnh, xe SH…. Còn đối với căn nhà mà ông T yêu cầu là do ông Ịch và bà Việt tức cha mẹ bà xây dựng khi bà và ông T đang sinh sống tại nhà cha mẹ chồng ở xã T Bình không liên quan gì đến việc xây dựng này. Sau khi xây dựng xong thì cha mẹ bà thiếu tiền trả công thợ nên có nhờ bà vay mượn tiền thì bà có hỏi ông T vay số tiền 120.000.000 đồng, nay bà vẫn thừa nhận có đứng ra vay của ông T số tiền 120.000.000 đồng, bà vẫn đồng ý trả lại ông T khi ông T đòi, chứ không đồng ý như ông T cho rằng ông T góp tiền vào

xây nhà như ông T trình bày. Vì căn nhà này hoàn toàn không phải của bà mà của cha mẹ bà bỏ tiền ra xây, kêu thợ và trả công cho thợ…

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Huỳnh T trình bày:***

Ông công nhận lời trình bày của bà T là đúng về thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn. Nay tại tòa ông cũng đồng ý ly hôn với bà T vì ông, bà cũng không thể sống chung với nhau được nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Đ, sinh ngày 04/8/2019, hiện tại cháu Trang đang sống với bà T, khi ly hôn ông xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung:Có 01 căn nhà trên thửa đất số 778, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp 2, xã Bình Lợi có diện tích là 200m^2 căn nhà này nằm trên phần diện tích đất của bà T mua trước đây. Căn nhà này do ông và bà T tự xây dựng trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù ông Ịch và bà Việt là cha mẹ vợ đứng ra xây dựng, nhưng ông có bỏ ra số tiền 500.000.000 đồng cho bà T để xây nhà, còn việc kêu thợ xây, trả tiền... thì do bà T đứng ra lo xây dựng và trả tiền công, ông không có kêu thợ và cũng không đứng ra trả công cho thợ. Ông chỉ biết bỏ ra 500.000.000 đồng cho bà T để xây nhà, cụ thể ông đưa được 5 lần, lần cuối cùng là 100.000.000 đồng còn 4 lần trước mỗi lần đưa hơn 100.000.000 đồng, ngoài 5 lần đưa này thì ông không có đưa thêm lần nào nữa, những lần ông đưa tiền cho bà T đều không làm giấy tờ gì và không có ai chứng kiến. Vì vậy nay ông đề nghị bà T phải trả cho ông ½ giá trị là 363.100.000 đồng, theo giá chứng thư thẩm định giá.

Đối với lời trình bày của bà T là ông cho bà T vay 120.000.000 đồng là không đúng nên ông không đồng ý nhận của bà T 120.000.000 đồng như bà T trình bày và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao V trình bày:***

Trước hết bà xác định căn nhà trên thửa đất số 778 tờ bản đồ số 6 tại ấp 2, xã Bình Lợi, căn nhà này được vợ chồng bà xây dựng vào khoảng tháng 10 năm 2018, khi xây nhà thì chịT đang ở bên nhà chồng, khi đó chị T than thở là không thể chung sống được với gia đình nhà chồng vì mọi chi phí sinh hoạt đều nhìn vào đồng lương công nhân của chị T, còn ông T thì chi ly tính toán từng đồng chỉ biết cá nhân mình. Do vậy vợ chồng bà đã đứng ra xây một căn nhà để cho chị T thoải mái hơn về cuộc sống, không phải chung đụng với gia đình chồng, khi xây dựng chỉ có vợ chồng bà đứng ra kêu thợ, xây dựng trông nom và trả công thợ, vợ chồng anh T và chị T không hề hỗ trợ gì trong việc xây dựng căn nhà này, khi xây dựng xong thì mới kêu chị T về ở, khi về ở thì mỗi người một kiểu, không thể chung sống được, nên một thời gian ngắn sau thì anhT đã chở về toàn bộ đồ đạc của anhT khi đem đến, kể cả cánh cửa, anhT đem đến giáp cũng tháo, chuồng chó cũng chở

về, chăn, ga, chiếu, nệm… vì vậy anhT nay cho rằng anh T và chịT bỏ tiền ra xây căn nhà này là hoàn toàn không đúng sự thật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu này. Còn vấn đề khác của vợ chồng anh T bà không có ý kiến.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 68/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Cho bà Nguyễn Tđược ly hôn với ông Huỳnh T.

- Về con chung:Giao cháu Huỳnh Đsinh ngày 04/8/2019 và cho bà Ttrực tiếp chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông Huỳnh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con vàcấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Huỳnh T về việc yêu cầu chia giá trị ½ căn nhà là 363.100.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Huỳnh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 68/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu theo hướng chấp nhận yều cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về con chung: Ông T kháng cáo yêu cầu giao con chung là cháu Huỳnh Đ, sinh ngày 04/8/2019 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng . Xét ông T và bà T có công việc và điều kiện ổn định để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Tính đến thời điểm này cháu Trang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, bà T có nhà đất ổn định có mẹ phụ chăm con nên Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho bà T là có căn cứ.

Về tài sản chung: Ông T không có tài liệu chứng cứ chứng minh đưa cho bà T số tiền 500 triệu để xây dựng căn nhà, bà T cũng không thừa nhận, theo tài liệu có

trong hồ sơ thể hiện ông Ịch và bà Việt là người bỏ tiền ra xây nhà. Đối với kháng cáo của ông T yêu cầu chia các đồ dung trong nhà, vàng cưới tổng số tiền là 45.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi mỗi người 22.500.000 đồng và tiền trả công đóng góp chăm sóc vườn số tiền là 10.000.000 đồng, trả công đóng góp trong thời gian sinh sống với vợ (bà T) 04 năm, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông T không yêu cầu vấn đề này nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Về án phí, tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T chịu án phí chia tài sản chung là không có căn cứ vì ông T không được chia tài sản nên không phải chịu án phí.

Đối với kháng cáo của ông Huỳnh T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng về thủ tục ủy quyền là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh T, sữa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Huỳnh T làm đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ông T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì trong quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án, tham gia các buổi làm việc thì bà Cao P đều tham gia với tư cách là đại diện theo ủy quyền cho ông. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm không ghi nhận tư cách tham gia tố tụng của bà Trinh là người đại diện theo ủy quyền gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Xét thấy, tại biên bản phiên tòa ngày 30/8/2023 thể hiện ông T trình bày tự mình tham gia tố tụng, không tiếp tục ủy quyền cho bà P. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định bà Trinh là người đại diện theo ủy quyền của ông T là có căn cứ.

[2] Về nội dung kháng cáo

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu được chia tài sản gồm: 01 dây chuyền, 01 đôi bông tai giá trị khoảng 20 triệu đồng (nhận bằng hiện vật vì số vàng này của ông T tặng bà T khi cưới) và số vàng hai bên gia đình cho hai vợ chồng đã bán được 100.000.000đồng (chia ½), 01 máy giặt trị giá khoảng 10.000.000 đồng, 01 máy năng lượng mặt trời trị giá 20.000.000 đồng. 01 bồn nước 1000 lít trị giá 5.000.000 đồng, 01 máy lọc nước trị giá 5.000.000 đồng, 01 tủ quần áo trị giá 5.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng và được chia đôi mỗi người 22.500.000 đồng (được nhận bằng tiền mặt), tiền trả công đóng góp chăm sóc vườn số tiền là 10.000.000 đồng, trả công đóng góp trong thời gian sinh sống với vợ (bà T) 04 năm, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm ông T không

yêu cầu các vấn đề này, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nên Tòa án Phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu chia đôi tài sản chung là giá trị căn nhà của vợ chồng ông, bà xây dựng, ông đề nghị được nhận bằng tiền là 363.100.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá. Còn đối với đất là của bà T có trước đó nên ông không yêu cầu tranh chấp. Xét thấy, ông T đề nghị được chia đôi giá trị căn nhà vì ông có công sức đóng góp 500.000.000đ để xây dựng căn nhà, nhưng ông T lại không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh ông đã đóng góp số tiền trên ngoài lời trình bày của ông không được bà T hay bà Việt thừa nhận. Tuy nhiên, bà T trình bày là trong quá trình xây nhà do mẹ bà thiếu 120.000.000đ nên nhờ bà vay ông T và ông T đã đưa bà 120.000.000đ. Ông T xác định không có việc cho vay, nhưng bà T xác nhận có vay ông T số tiền trên. Ngoài ra, ông T và bà T cũng có thời gian chung sống vài năm cùng nhau trên căn nhà này. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét chia cho ông một phần giá trị tài sản căn nhà là 200.000.000đ là có căn cứ.

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Đ, sinh ngày 04/8/2019, hiện tại cháu Trang đang do bà T chăm sóc nuôi dưỡng. Xét ông T và bà T đều có điều kiện chăm sóc con chung. Tuy nhiên, Cháu Trang còn nhỏ (hơn 04 tuổi), là con gái nên Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho mẹ là bà T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh T. Buộc bà Nguyễn T phải trả cho ông T một phần giá trị căn nhà là 200.000.000đ (bao gồm số tiền 120.000.000đ bà T đã nhận của ông T).

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 18.155.000 đồng đối với yêu cầu chia tài sản không được chấp nhận là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.. Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông T về chia tài sản chung nên buộc ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 10.000.000đ (200.000.000đ x 5%)

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đối với phần phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh T, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 68/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 157; 165; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84; 29; 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn T được ly hôn với ông Huỳnh T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Đ sinh ngày 04/8/2019 cho bà T trực tiếp chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Huỳnh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông Huỳnh T. Buộc bà Nguyễn T thanh toán lại một phần giá trị căn nhà cho ông T số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh T phải chịu, ông T đã nộp đủ.

6.Về án phí: Bà Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004606 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu,bà T đã nộp đủ.

Ông Huỳnh T phải chịu phải chịu án phí sơ thẩm là 10.000.000đ án phí chia tài sản chung, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền 15.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004686 ngày 10/11/2022 và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005472 ngày 11/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu được trừ vào án phí ông T phải chịu. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí còn dư là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng)

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Vĩnh Cửu;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Thu Hương